

SOFIT 300EC

Phiên bản 06

Ngày cập nhật: 22.09.2010

MỤC 1. XÁC ĐỊNH SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY SẢN XUẤT

1.1. Tên sản phẩm

- Tên sản phẩm : Sofit 300EC
- Mã thiết kế : A6728B



1.2. Sử dụng có liên quan xác định các chất hoặc hỗn hợp và sử dụng nên chống lại

Công dụng : Thuốc trừ cỏ

Thông tin chi tiết của nhà cung cấp về bảng dữ liệu an toàn

Công ty : Công ty Syngenta Thụy Sĩ

Postfach, CH-4002 Basel, Thụy Sĩ

Điện thoại : +41 61 323 11 11

Telefax : +41 61 323 12 12

Địa chỉ E-mail : sds.ch @ syngenta.com

1.3. Số điện thoại khẩn cấp

Điện thoại khẩn cấp số: +44 1484 538444

MỤC 2. XÁC ĐỊNH MỐI NGUY

Chất lỏng và khí dễ cháy.

Có độc nếu nuốt phải hay hít phải.

Có hại nếu nuốt phải và xâm nhập vào đường hô hấp.

Gây kích ứng da.

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.

Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.

Có thể gây hại cho thai nhi.

Rất độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây tác dụng phụ lâu dài trong môi trường nước.

SOFIT 300EC

Phiên bản 06

Ngày cập nhật: 22.09.2010

MỤC 3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CẤU TẠO

Hỗn hợp

Thành phần nguy hại:

Tên hóa học	CAS-No. EC-No. Số đăng ký	Biểu tượng	Cụm từ R	Độ đậm đặc
pretilachlor	51218-49-6	Xi , N	R43 R50/53	29.8% W/W
fenclorim	3740-92-9	Xn, N	R20 R43 R50/53	9.9% W/W

Giới hạn phơi nhiễm hóa chất ở nơi làm việc

Đối với các văn bản đầy đủ của cụm từ - R nêu tại mục này, xem Mục 16.

MỤC 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU**4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu**

- Lời khuyên chung : Đem theo bao bì chứa sản phẩm , nhãn hoặc tờ thông tin an toàn sản phẩm khi bạn gọi đến số điện thoại khẩn cấp của Syngenta, trung tâm kiểm soát ngộ độc hoặc đến chữa trị.
- Hít phải : Mang người bị nạn đặt ở nơi thoáng khí. Nếu khó thở hoặc ngưng thở thì phải tiến hành hô hấp nhân tạo. Giữ ấm cho nạn nhân và nghỉ ngơi. Lập tức gọi bác sỹ hoặc trung tâm kiểm soát ngộ độc
- Tiếp xúc với da : Cởi bỏ áo quần bị dính thuốc ngay lập tức. Rửa chỗ bị dính thuốc bằng nhiều nước sạch. Nếu da bị sưng tấy, rát, gọi cho bác sĩ. Giặt áo quần bị dính thuốc thật sạch trước khi dùng lại.
- Tiếp xúc với mắt : Lập tức rửa mắt bị dính thuốc bằng thật nhiều nước sạch, ngay cả bên dưới mí mắt ít nhất trong 15 phút. Loại bỏ kính sát tròng. Chữa trị y khoa ngay khi có yêu cầu
- Nuốt phải : Nếu nuốt phải, lập tức tìm hướng dẫn chữa trị y khoa ngay trên nhãn chai.
- Không được nôn: sản phẩm có dầu chung cất và/ hoặc dung môi hương liệu.

SOFIT 300EC

Phiên bản 06

Ngày cập nhật: 22.09.2010

MỤC 5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

5.1 Phương tiện chữa cháy

- Đối với đám cháy nhỏ: Sử dụng bình phun nước, bột chống cồn, hóa chất khô hoặc khí CO₂.
- Đối với đám cháy lớn: Sử dụng xốp chống cồn hoặc Phun nước

Không dùng vòi nước xịt trực tiếp vào đám cháy để tránh làm phát tán và gây cháy lan.

5.2 Đặc biệt nguy hiểm phát sinh từ các chất hoặc hỗn hợp

Do thuốc bao gồm thành phần hữu cơ dễ cháy, đám cháy sinh ra khói đen chứa hơi độc (xem mục 10).

Tiếp xúc với các sản phẩm bị phân hủy này có thể nguy hại đến sức khỏe.

5.3 Tư vấn cho nhân viên cứu hỏa

Mang đầy đủ quần áo bảo hộ kín và dụng cụ thở.

Không được chạy ra từ đám cháy và nhảy xuống ruộng hoặc dòng nước.

Làm mát các thùng chứa đầy kín tiếp xúc với đám cháy bằng nước phun sương.

MỤC 6. BIỆN PHÁP XỬ LÝ SỰ CỐ

6.1. Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và thủ tục khẩn cấp

Hãy tham khảo các biện pháp bảo vệ liệt kê trong mục 7 và 8.

Giữ cho mọi người tránh xa nơi đầu hướng gió của vụ tràn/rò rỉ.

Cẩn thận sự tích tụ của hơi độc để tạo thành nồng độ gây nổ. Hơi độc có thể tích lũy ở các khu vực thấp.

Loại bỏ tất cả các nguồn phát lửa.

Chú ý đến flashback.

6.2. Ngăn ngừa về môi trường

Ngăn ngừa trước sự rò rỉ hoặc đổ thuốc.

Không đổ thuốc vào hệ thống nước mặt hoặc cống rãnh

6.3. Các phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

Ngăn chặn sự đổ thuốc và thu gom bằng vật liệu thấm hút không cháy (cát, đất, đất sét, đất khoáng) và cho vào thùng chứa để hủy theo quy định (xem mục 13).

Nếu thuốc bị chảy ra sông, hồ hoặc ruộng nước phải thông báo với chính quyền sở tại.

MỤC 7. XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ

7.1 Phòng ngừa để xử lý an toàn

Tránh tiếp xúc với da và mắt.

Khi sử dụng không ăn, uống hoặc hút thuốc.

Chỉ sử dụng trong khu vực có chứa thiết bị chống cháy.

SOFIT 300EC

Phiên bản 06

Ngày cập nhật: 22.09.2010

Các biện pháp phòng ngừa chống lại tĩnh điện.

Đề bảo vệ cá nhân, xem mục 8.

7.2. Điều kiện để lưu trữ an toàn, bao gồm các điều kiện không tương thích

Không có điều kiện bảo quản đặc biệt.

Giữ các thùng chứa đầy kín ở một nơi khô ráo, mát, thông thoáng.

Để xa tầm tay trẻ em.

Giữ xa nguồn thực phẩm, đồ uống và thức ăn cho gia súc.

MỤC 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ BẢO VỆ CÁ NHÂN**8.1 Kiểm soát các thông số**

Thành phần	Giới hạn phơi nhiễm	Loại giới hạn phơi nhiễm	Nguồn
pretilachlor	4 mg/m ³	8 h TWA	Syngenta

8.2. Kiểm soát phơi nhiễm

Biện pháp kỹ thuật : Việc ngăn chặn và/hoặc cách ly là biện pháp bảo vệ kỹ thuật đáng tin cậy nhất nếu không thể loại bỏ được sự phơi nhiễm. Việc kéo dài những biện pháp bảo vệ này phụ thuộc vào mỗi nguy thực sự trong quá trình sử dụng. Nếu sương hoặc hơi thuốc bay ra, dùng biện pháp kiểm soát thông gió.

Đánh giá sự phơi nhiễm và sử dụng bất cứ biện pháp phụ trợ nào để giữ mức hơi sương dưới mức phơi nhiễm tương ứng. Khi cần thiết, tìm thêm thông tin về bảo vệ vệ sinh nghề nghiệp

Biện pháp bảo vệ : Việc dùng các biện pháp kỹ thuật nên luôn được ưu tiên hơn so với việc sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân. Khi lựa chọn trang thiết bị bảo vệ cá nhân, nên tìm lời khuyên chuyên nghiệp phù hợp. Phương tiện bảo vệ cá nhân nên được xác nhận theo tiêu chuẩn phù hợp

Bảo vệ cơ quan hô hấp : Một sự kết hợp của các mặt nạ phòng độc sử dụng cho khí, hơi và hạt hóa chất có thể là cần thiết cho đến khi các biện pháp kỹ thuật hiệu quả được thực hiện.

Mặt nạ bảo hộ làm sạch không khí bị hạn chế.

Sử dụng máy hô hấp khép kín trong các trường hợp sự cố tràn khẩn cấp, khi mức độ phơi nhiễm là không rõ, hoặc trong bất kỳ trường hợp nào mà mặt nạ lọc khí không có thể cung cấp sự bảo vệ đầy đủ.

Bảo vệ tay : Nên sử dụng găng tay chống hoá chất. Chọn găng tay dựa vào yêu cầu công việc cơ học.

Găng tay nên được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn.

Găng tay nên có thời gian thử nghiệm tối thiểu để phù hợp với sự tiếp xúc lâu dài.

SOFIT 300EC

Phiên bản 06

Ngày cập nhật: 22.09.2010

	Thời gian sử dụng của găng tay thay đổi tùy theo độ dày, vật liệu và nhà sản xuất.
	Găng tay nên được bỏ đi và thay thế nếu có bất kỳ dấu hiệu của hóa chất ngấm vào.
	Chất liệu phù hợp.
	Cao su Nitrile.
Bảo vệ mắt	: khi sử dụng hóa chất để an toàn cho mắt nên đeo kính bảo hộ.
Bảo vệ da và cơ thể	: Đánh giá độ phơi sáng và chọn quần áo chống hóa chất dựa trên khả năng tiếp xúc và các đặc tính thấm thấu/ xâm nhập của vật liệu quần áo.
	Rửa bằng xà phòng và nước sau khi thay quần áo bảo hộ.
	Khử nhiễm quần áo trước khi sử dụng lại hoặc sử dụng các thiết bị dùng một lần (bộ quần áo, tạp dề, tay áo, giày ống...)
	Mặc phù hợp: không thấm nước bảo vệ bộ đồ.

MỤC 9. TÍNH CHẤT HOÁ LÝ**9.1. Thông tin về đặc tính vật lý và hóa học cơ bản**

Dạng	: chất lỏng
Màu sắc	: màu vàng đến nâu
Mùi	: hương thơm
pH	: 5-9 tại 1% w/v
Điểm cháy	: $\geq 50^{\circ}\text{C}$
Tỷ trọng	: 0.98 – 1.03 g/cm ³ ở 20°C.
Trộn lẫn	: có thể trộn.

MỤC 10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ TÍNH PHẢN ỨNG

Sản phẩm phân hủy độc hại: quá trình đốt cháy hoặc phân hủy bằng nhiệt sẽ tạo ra khí độc và dị ứng.

Phản ứng nguy hại: Chưa biết

Phản ứng trùng hợp không xảy ra.

Ổn định trong các điều kiện bình thường.

PHẦN 11. THÔNG TIN VỀ SỰ ĐỘC HẠI**11.1. Thông tin về tác dụng độc tính**

Độc cấp tính qua đường miệng	: LD50 chuột đực và cái là 3,196 mg/kg
	Các dữ liệu độc tính được lấy từ các sản phẩm có thành phần tương tự

SOFIT 300EC

Phiên bản 06

Ngày cập nhật: 22.09.2010



	GHS-phân loại
	Loại 5
Nguy cơ độc tính	: nguy cơ nguy hiểm nếu nuốt phải – có thể xâm nhập vào phổi và gây ra tổn thương.
	GHS-phân loại
	Loại 1
	Có nguồn gốc từ các thành phần.
Độc cấp tính qua đường hô hấp	: LC50 chuột đực 4,900 mg/m ³ , 4h LC50 chuột cái 9,163 mg/m ³ , 4h
	Các dữ liệu độc tính được lấy từ các sản phẩm có thành phần tương tự
	GHS-phân loại
	Loại 5
	Hơi có thể gây ra chóng mặt và buồn ngủ
	GHS-phân loại
	Loại 3
	Có nguồn gốc từ các thành phần.
Nhiễm độc cấp tính qua da	: LD50 chuột đực và cái là > 2.000 mg/kg
	Các dữ liệu độc tính được lấy từ các sản phẩm có thành phần tương tự
	GHS-phân loại
	Loại 0
Ăn mòn da/dị ứng	: Thỏ: kích ứng
	Các dữ liệu độc tính được lấy từ các sản phẩm có thành phần tương tự
	GHS-phân loại
	Loại 2
Dị ứng mắt	: Thỏ: gây kích ứng nhẹ
	Các dữ liệu độc tính được lấy từ các sản phẩm có thành phần tương tự
	GHS-phân loại
	Loại 2A
Hô hấp hoặc da nhạy cảm	: Chuột lang: gây kích ứng da
	GHS-phân loại
	Loại 1

SOFIT 300EC

Phiên bản 06

Ngày cập nhật: 22.09.2010



 Có nguồn gốc từ các thành phần.

Độc hại lâu dài

Pretilachlor

: không hiển thị các hiệu ứng gây ung thư, dị tật hoặc đột biến trong các thí nghiệm động vật.

Fenclorim

: không hiển thị các hiệu ứng gây ung thư, dị tật hoặc đột biến trong các thí nghiệm động vật.

MỤC 12. THÔNG TIN SINH THÁI**12.1. Sự tích tụ sinh học**

Pretilachlor

: không tích lũy.

12.2. Sự ổn định trong nước

Pretilachlor

: không ổn định trong nước

Fenclorim

: không ổn định trong nước

12.3. Sự ổn định trong đất

Pretilachlor

: không ổn định trong đất

Fenclorim

: không ổn định trong đất

12.4. Tính di động trong đất

Pretilachlor

: có tính di động nhỏ trong đất.

Fenclorim

: có tính di động thấp trong đất.

12.3. Độc tính

Độc tính đối với cá

: LC50 *Cyprinus carpio* (cá chép), 4.36 mg/l trong 96h.

Có nguồn gốc từ các thành phần.

LC50 *Oncorhynchus mykiss* (cá hồi), 5.37 mg/l trong 96h.

Có nguồn gốc từ các thành phần.

Độc tính đối với động vật thủy sinh

: EC50 *Daphnia magna* (bọ nước), 22.13 mg / l, 48 h

Có nguồn gốc từ các thành phần.

Độc tính đối với cây thủy sinh

: ErC50 *Pseudokirchneriella subcapitata* (tảo lục)

0,009 mg/l, 72h.

Có nguồn gốc từ các thành phần.

SOFIT 300EC

Phiên bản 06

Ngày cập nhật: 22.09.2010

MỤC 13. PHÂN HỦY**13.1. Phương pháp xử lý chất thải**

- Sản phẩm : Không gây ô nhiễm ao hồ, sông ngòi, ruộng với hóa chất hoặc vật chứa đã sử dụng.
- Không bỏ chất thải vào cống rãnh.
- Ưu tiên tái chế nếu có thể hơn là đem hủy hoặc đốt.
- Nếu không thể tái chế thì xử lý theo quy định của địa phương.
- Bao bì bị ô nhiễm : Làm sạch thuốc còn lại trong bao bì. Rửa ba lần đối với vật chứa.
- Vật chứa nên được đưa đến những nơi có chức năng tái chế hoặc xử lý chất thải.
- Không tái sử dụng vật chứa được làm sạch.

MỤC 14. THÔNG TIN VẬN TẢI*Vận tải đường bộ (ADR / RID)*

- 14.1. Số UN : UN 1993
- 14.2. Tên đúng trên lô hàng xuất : CHẤT DỄ CHÁY, N.O.S
(Isobutanol & Fenclorim)
- 14.3. Loại giao thông vận tải nguy hiểm (es) : 3
- 14.4. Nhóm đóng gói : III
- Nhãn : 3
- 14.5. Tác động môi trường : độc hại môi trường

Vận tải đường biển (IMDG)

- 14.1. Số UN : UN 1993
- 14.2. Tên đúng trên lô hàng xuất : CHẤT DỄ CHÁY, N.O.S
(Isobutanol & Fenclorim)
- 14.3. Loại giao thông vận tải nguy hiểm (es) : 3
- 14.4. Nhóm đóng gói : III
- Nhãn : 3
- 14.5. Tác động môi trường : gây ô nhiễm biển

SOFIT 300EC

Phiên bản 06

Ngày cập nhật: 22.09.2010

Vận tải hàng không (IATA DGR)

14.1. Số UN	: UN 1993
14.2. Tên đúng trên lô hàng xuất	: CHẤT DỄ CHÁY, N.O.S (Isobutanol & Fenclorim)
14.3. Loại giao thông vận tải nguy hiểm (es)	: 3
14.4. Nhóm đóng gói	: III
Nhãn	: 3

MỤC 15. THÔNG TIN PHÁP LÝ

Dán nhãn theo quy định EC

Các thành phần nguy hại phải được liệt kê trên nhãn:

- Fenclorim
- Pretilachlor

Ký hiệu (s)	N	Độc hại cho môi trường.
	T	Độc
Cụm từ R	R61	Có thể gây hại cho thai nhi.
	R10	Chất dễ cháy
	R36/38	dị ứng cho mắt và da.
	R50/53	Rất độc cho sinh vật thủy sinh, có thể gây tác động bất lợi trong môi trường nước lâu dài.
	R65	Có thể gây tổn hại cho phổi nếu nuốt phải.
	R67	Hơi thuốc có thể gây ra buồn ngủ và chóng mặt.
Cụm từ -S	S53	tránh phơi nhiễm- lấy hướng dẫn sử dụng trước khi dung.
	S35	nguyên liệu và vật chất chứa nó cần phải được xử lý một cách an toàn.
	S36/37	Mặc quần áo bảo vệ và mang găng tay bảo vệ.
	S57	Sử dụng thùng chứa thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.
	S62	Nếu nuốt phải, lập tức tìm hướng dẫn chữa trị y khoa ngay trên nhãn chai.
Lưu ý	: Sản phẩm được phân loại là nguy hiểm theo quy định của 1999/45/EC	

Dán nhãn đặc biệt : Để tránh rủi ro cho con người và môi trường, thực hiện theo các hướng dẫn khi sử dụng.

SOFIT 300EC

Phiên bản 06

Ngày cập nhật: 22.09.2010

Nhãn GHS



Cảnh báo mối nguy hiểm	:	H226 Chất lỏng và hơi dễ cháy. H303+H333 Có thể gây hại nếu nuốt phải hay hít phải. H305 Có thể gây hại nếu nuốt phải và xâm nhập vào đường hô hấp. H315 Gây dị ứng da. H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da. H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. H336 Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt H360D Có thể gây hại cho thai nhi. H410 Rất độc cho đời sống thủy sinh với các hậu quả lâu dài.
Cảnh báo đề phòng	:	P102 Tránh xa khỏi tầm với của trẻ em. P201 Sử dụng hướng dẫn trước khi sử dụng. P210 Tránh xa sức nóng/tia lửa/ngọn lửa/bề mặt nóng – không hút thuốc. P270 Không ăn, uống, hút thuốc khi sử dụng sản phẩm. P280 Mang găng tay, đeo mặt nạ và mặc quần áo bảo hộ P301+P310 Nếu nuốt phải: ngay lập tức gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ/dược sĩ. P331 Không ép nôn. P302+352 Nếu dính trên da rửa sạch nhiều lần với nước và xà phòng. P391 Thu dọn khi chảy tràn. P501 các thùng chứa chất thải được đưa tới nhà máy có chức năng xử lý chất thải.
Ghi chú	:	Phân loại sử dụng tất cả các lớp nguy hiểm GHS và chuyên mục. Trường hợp GHS chứa các tùy chọn, tùy chọn bảo thủ nhất được chọn. Triển khai thực hiện khu vực hoặc quốc gia của GHS có thể không thực hiện tất cả loại nguy hiểm và chuyên mục.

SOFIT 300EC

Phiên bản 06

Ngày cập nhật: 22.09.2010

Các thành phần nguy hại phải được liệt kê trên nhãn:

- Fenclorim
- Pretilachlor

MỤC 16. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin

Văn bản đầy đủ của nhóm từ R được gọi theo các mục 3:

R10	dễ cháy
R20	có hại khi kích ứng
R36/37/38	dị ứng cho mắt, hệ hô hấp và da.
R37/38	dị ứng cho hệ hô hấp và da.
R38	Kích ứng da.
R41	Gây tổn hại nghiêm trọng cho mắt.
R43	Có thể gây kích ứng cho da khi tiếp xúc
R50/53	Rất độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây ảnh hưởng lâu dài trong môi trường nước.
R61	Có thể gây tổn hại cho thai nhi
R65	Gây tổn hại cho phổi nếu nuốt phải.
R67	hơi thuốc có thể gây ra buồn ngủ và chóng mặt.

Các thông tin được cung cấp trên Bảng dữ liệu an toàn là chính xác tốt nhất của thông tin, kiến thức của chúng tôi và niềm tin ở ngày đăng Công báo. Các thông tin cung cấp được thiết kế chỉ như là một hướng dẫn để xử lý an toàn, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, xử lý, phát hành và không được xem xét bảo hành chất lượng đặc điểm kỹ thuật. Thông tin chỉ liên quan đến vật chất cụ thể và có thể không có giá trị vật, được sử dụng kết hợp với bất kỳ tài liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quá trình, trừ trường hợp quy định tại văn bản.

Thay đổi kể từ khi phiên bản cuối cùng được đánh dấu ở bên lề. Phiên bản này thay thế tất cả các phiên bản trước đó.

Tên sản phẩm là một nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Công ty Tập đoàn Syngenta.